

Số: 51/QĐ-TTQH

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1246/TB-SXD ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Hành chính – Tổ chức – Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Tổ chức – Tài vụ; Phụ trách kế toán và các Phòng thuộc Trung tâm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Nam Xuân

Đơn vị: Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn

Chương: 419

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2023
(Kèm theo Quyết định số 51/QĐ-TTQH ngày 28/5/2024 của Trung tâm Quy hoạch
Đô thị và Nông thôn)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội Dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	17.591	17.591			
A	Tổng số thu	17.591	17.591			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	17.591	17.591			
	Thu hoạt động tư vấn	12.732	12.732			
	Doanh thu hoạt động KTX, đơn vị để lại	420	420			
	Doanh thu hoạt động Nhà công vụ, đơn vị để lại	416	416			
	Doanh thu điện Nhà công vụ	135	135			
	Doanh thu nước Nhà công vụ	31	31			
	Doanh thu QLVH khối sự nghiệp	3.019	3.019			
	Doanh thu điện Khối sự nghiệp	542	542			
	Doanh thu nước Khối sự nghiệp	15	15			
	Doanh thu dầu DO Khối sự nghiệp	5	5			
	Doanh thu phí tuyển dụng VC	1	1			
	Doanh thu phí khai thác trồng giữ xe	26	26			
	Doanh thu hoạt động tài chính	249	249			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	17.591	17.591			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
b						
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
b						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	17.591	17.591	2.687	8.799	6.105

Số TT	Nội Dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
						
1.2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
1.2						
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	học công nghệ					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>					
	<i>Bộ</i>					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	xuyên					

Số TT	Nội Dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					